

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG AN GIANG

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 – 27

004
C
RACH
KH
FC1
CHI
C
PANG

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG AN GIANG
Số 185 Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty hân hạnh trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng An Giang cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. Công ty

Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng An Giang ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000038 ngày 22 tháng 07 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 25 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 185 Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
- Điện thoại : 076 3852824 – 3852857 – 3857593
- Fax : 076 3954014 – 3852039

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Quách Thị Huệ Trinh	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Đức Dũng	Thành viên
Ông Huỳnh Tấn Tài	Thành viên
Ông Võ Chí Trường	Thành viên

Ban Kiểm soát:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Thành Ngoan	Trưởng ban kiểm soát
Ông Huỳnh Hữu Nhẹ	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích Trâm	Thành viên

Ban Giám đốc:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Quách Thị Huệ Trinh	Giám đốc
Ông Lý Việt Dũng	Phó Giám đốc

Đại diện pháp luật:

Người đại diện pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Quách Thị Huệ Trinh	Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



QUÁCH THỊ HUỆ TRINH

Chủ tịch

An Giang, ngày 20 tháng 06 năm 2016

Số: 05/2016/BCKT-CT.00131

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG AN GIANG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng An Giang (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 06 năm 2016, từ trang 5 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng An Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã nêu tại mục 4.16 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 Công ty có khoản nợ phải trả vượt vốn chủ sở hữu là 2.220.661.729 VND, nợ ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn là 63.462.908 VND sẽ ảnh hưởng đến tình hình tài chính và khả năng thanh toán của Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào các hoạt động có lãi trong tương lai và việc tiếp tục tài trợ của các chủ đầu tư. Báo cáo tài chính đính kèm được lập trên giả thuyết rằng Công ty hoạt động liên tục, không bao gồm những khoản điều chỉnh có thể xảy ra nếu Công ty không thể tiếp tục hoạt động liên tục.

Như đã nêu tại mục 5.13 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty có khoản mục Quỹ khen thưởng, phúc lợi bị âm với giá trị là 764.406.631 VND.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng An Giang cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với báo cáo tài chính này tại ngày 05 tháng 05 năm 2015.



NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Phó Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0600-2013-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CHI NHÁNH CẦN THƠ

Thành phố Cần Thơ, ngày 20 tháng 06 năm 2016

NGUYỄN THỊ MỸ NGỌC

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2860-2014-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.157.198.821	1.150.515.051
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.856.873	60.839.855
Tiền	111		1.856.873	60.839.855
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.947.860.355	882.193.603
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	2.477.700.964	1.465.810.444
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	896.062.279	842.286.047
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.4	(1.425.902.888)	(1.425.902.888)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140		-	-
Hàng tồn kho	141		-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		207.481.593	207.481.593
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.9	207.481.593	207.481.593
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		44.497.537	136.277.669
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		29.600.378	42.429.923
Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	29.600.378	42.429.923
Nguyên giá	222		571.205.288	643.564.812
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(541.604.910)	(601.134.889)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		14.897.159	93.847.746
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	14.897.159	93.847.746
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.201.696.358	1.286.792.720

3995.
NG T
HIỆM H
A TOA
IẾT
NHÁ
N TH
G-TF

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		2.220.661.729	1.254.245.437
Nợ ngắn hạn	310		2.220.661.729	1.254.245.437
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.7	210.600.209	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.8	-	201.115.920
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	314.837.009	263.097.399
Phải trả người lao động	314		761.430.366	305.917.449
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.10	379.291.000	-
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	1.087.909.776	1.060.521.300
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	231.000.000	188.000.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.13	(764.406.631)	(764.406.631)
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

002-C
Y
TU HẠN
IN
NAM
NH
J
CÁNH

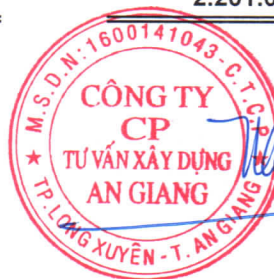
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(18.965.371)	32.547.283
Vốn chủ sở hữu	410	5.14	(18.965.371)	32.547.283
Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.356.350.000	3.356.350.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.356.350.000	3.356.350.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		225.162.745	225.162.745
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(3.600.478.116)	(3.548.965.462)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(3.548.965.462)	(3.609.437.572)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(51.512.654)	60.472.110
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.201.696.358	1.286.792.720


TRẦN HIẾU THIỆN

Kế toán trưởng/ Người lập biểu

**QUÁCH THỊ HUỆ TRINH**


Giám đốc

An Giang, ngày 20 tháng 06 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG AN GIANG
Số 185, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	2.816.691.243	3.142.509.241
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.816.691.243	3.142.509.241
Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.224.834.221	1.606.971.034
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.591.857.022	1.535.538.207
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	195.948	349.710
Chi phí tài chính	22	6.4	17.070.000	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		17.070.000	-
Chi phí bán hàng	25	6.5	154.214.720	120.122.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	1.388.731.865	1.278.815.850
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		32.036.385	136.950.067
Thu nhập khác	31		-	3.190.000
Chi phí khác	32	6.7	54.131.335	34.519.429
Lợi nhuận khác	40		(54.131.335)	(31.329.429)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(22.094.950)	105.620.638
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.9	29.417.704	45.148.528
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(51.512.654)	60.472.110
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	(1.535)	1.802



TRẦN HIẾU THIỆN
Kế toán trưởng/ Người lập biểu





QUÁCH THỊ HUỆ TRINH
Giám đốc
An Giang, ngày 20 tháng 06 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		(22.094.950)	105.620.638
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		12.829.545	12.829.546
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03		-	25.000.000
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(195.948)	-
Chi phí lãi vay	06		17.070.000	-
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		7.608.647	143.450.184
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.065.666.752)	(55.934.189)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		904.537.964	(123.748.619)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		78.950.587	26.115.638
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(17.070.000)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(10.539.376)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(102.178.930)	(10.116.986)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		195.948	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		195.948	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG AN GIANG

Số 185, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		331.000.000	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(288.000.000)	-
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		43.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm				
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		(58.982.982)	(10.116.986)
			60.839.855	70.956.841
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.1	1.856.873	60.839.855

TRẦN HIẾU THIỆN

Kê toán trưởng/ Người lập biểu



QUÁCH THỊ HUỆ TRINH

Giám đốc

An Giang, ngày 20 tháng 06 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng An Giang ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000038 ngày 22 tháng 07 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 25 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 185 Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
- Điện thoại : 076 3852824 – 3852857 – 3857593
- Fax : 076 3954014 – 3852039

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Trong năm 2015, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Lập dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật.
- Lập hồ sơ lựa chọn nhà thầu.
- Giám sát thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật.
- Khảo sát, đo đạc, thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật.
- Thiết kế kiến trúc quy hoạch: khu đô thị, điểm dân cư tập trung, tiểu thủ công nghiệp, các khu kinh tế, các khu hành chính cả quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội ngành.
- Thiết kế nội thất, ngoại thất, thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, thí nghiệm nền móng cọc.
- Đầu tư kinh doanh địa ốc, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và điều hành dự án phần kỹ thuật.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm các hoạt động nêu trên, ngoại trừ đầu tư kinh doanh địa ốc, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và điều hành dự án phần kỹ thuật.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số 3.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.6 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tổng số nhân viên của Công ty là 18 người.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Máy móc, thiết bị, dụng cụ quản lý

Thời gian (năm)
05 – 08 năm

4.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

4.11 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

AA89
CÔNG
H NHIỆM
IỂM T
VIỆ
H NHI
'AN TH
'G-T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

4.13 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.15 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Công ty/đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Tên công ty/đối tượng	Quan hệ
Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc	Thành viên chủ chốt của công ty

4.16 Khả năng hoạt động liên tục

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 Công ty có khoản nợ phải trả vượt vốn chủ sở hữu 2.220.661.729 VND, nợ ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn 63.462.908 VND sẽ ảnh hưởng đến tình hình tài chính và khả năng thanh toán của Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào các hoạt động có lãi trong tương lai và việc tiếp tục tài trợ của các chủ đầu tư. Báo cáo tài chính đính kèm được lập trên giả thuyết rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ban Giám đốc Công ty có kế hoạch giải quyết vấn đề hoạt động liên tục bằng cách:

- Tạo lưu chuyển tiền tệ đủ đáp ứng khả năng thanh toán đúng hạn;
- Đạt được nguồn vốn tài trợ cần thiết;
- Và cuối cùng đạt được lợi nhuận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền mặt tồn quỹ	471.482	905.630
Tiền gửi ngân hàng	1.385.391	59.934.225
	1.856.873	60.839.855

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu các khách hàng khác		
Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng An Phú	85.334.135	67.717.135
Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng Chợ Mới	96.187.532	96.187.532
Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng Châu Phú	401.848.996	133.911.000
Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng Tân Châu	464.306.200	380.392.700
Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng Thoại Sơn	311.774.130	211.900.130
Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng Tri Tôn	510.081.000	128.066.000
Các đối tượng khác	608.168.971	447.635.947
	2.477.700.964	1.465.810.444

5.3 Phải thu khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức, cá nhân khác				
Tạm ứng	486.291.678	-	610.995.446	-
Phải thu về cổ phần hóa	79.523.601	-	79.523.601	-
Phải thu tiền cổ tức 2010	53.860.000	-	53.860.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	276.387.000	-	97.907.000	-
	896.062.279	-	842.286.047	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.4 Nợ xấu

	31/12/2015			01/01/2015		
	Thời gian quá hạn VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Các tổ chức và cá nhân khác						
Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng Chợ Mới	> 3 năm	95.157.218	-	> 3 năm	95.157.218	-
Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng Tân Châu	> 3 năm	147.218.700	-	> 3 năm	147.218.700	-
Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng Thoại Sơn	> 3 năm	162.917.130	-	> 3 năm	162.917.130	-
Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng Tri Tôn	> 3 năm	103.945.000	-	> 3 năm	103.945.000	-
Các đối tượng khác		916.664.840	-		916.664.840	-
		1.425.902.888	-		1.425.902.888	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Nợ phải thu bán hàng
	VND
Tại ngày 01/01/2015	(1.425.902.888)
Trích lập dự phòng bổ sung	-
Tại ngày 31/12/2015	(1.425.902.888)

5.5 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2015	233.496.000	100.982.251	260.436.561	48.650.000	643.564.812
Giảm theo TT 45/2013	-	(23.709.524)	-	(48.650.000)	(72.359.524)
Tại ngày 31/12/2015	233.496.000	77.272.727	260.436.561	-	571.205.288
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2015	233.496.000	58.552.328	260.436.561	48.650.000	601.134.889
Khấu hao trong năm	-	12.829.545	-	-	12.829.545
Giảm theo TT 45/2013	-	(23.709.524)	-	(48.650.000)	(72.359.524)
Tại ngày 31/12/2015	233.496.000	47.672.349	260.436.561	-	541.604.910
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2015	-	42.429.923	-	-	42.429.923
Tại ngày 31/12/2015	-	29.600.378	-	-	29.600.378

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2015	233.496.000	23.709.524	260.436.561	48.650.000	566.292.085
Tại ngày 31/12/2015	233.496.000	-	260.436.561	-	493.932.561

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.6 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	14.897.159	93.847.746
	14.897.159	93.847.746

5.7 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Nguyễn Chí Thanh	28.714.009	-
Văn phòng phẩm vật tư máy Photocopy Tuấn	91.257.200	-
Đối tượng khác	90.629.000	-
	210.600.209	-

5.8 Người mua trả tiền trước

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Sở xây dựng An Giang	-	201.115.920
	-	201.115.920

5.9 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2015		Số phát sinh trong năm		31/12/2015	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế GTGT đầu ra	229.216.487	-	253.444.541	(214.352.043)	268.308.985	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.539.376	207.481.593	29.417.704	(10.539.376)	29.417.704	207.481.593
Thuế thu nhập cá nhân	23.341.536	-	-	(23.341.536)	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	32.146.320	(15.036.000)	17.110.320	-
	263.097.399	207.481.593	315.008.565	(263.268.955)	314.837.009	207.481.593

Thuế giá trị gia tăng:

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho lĩnh vực kinh doanh dịch vụ là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Các loại thuế khác Công ty kê khai và nộp theo qui định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	2015 VND	2014 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(22.094.950)	105.620.638
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	169.183.470	120.122.000
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế		
Thu nhập chịu thuế suất 20%	147.088.520	225.742.638
Thu nhập chịu thuế suất 22%	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất 20%	29.417.704	45.148.528
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất 22%	-	-
Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	-	-
Tổng Thuế TNDN còn phải nộp	29.417.704	45.148.528
5.10 Chi phí phải trả	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Trích trước tiền khoản cho đội	379.291.000	-
	379.291.000	-
5.11 Phải trả khác	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Kinh phí công đoàn	8.958.960	-
Bảo hiểm xã hội	159.148.965	141.508.707
Bảo hiểm y tế	3.085.338	3.500.892
Bảo hiểm thất nghiệp	1.371.260	1.555.950
Phải trả, phải nộp khác	915.345.253	913.955.751
Cổ tức phải trả	750.933.997	750.933.997
Phải trả, phải nộp khác	164.411.256	163.021.754
	1.087.909.776	1.060.521.300

5.12 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

		31/12/2015		01/01/2015	
		Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn các cá nhân khác					
Vay Bà Quách Thị Huệ Trinh	(*)	191.000.000	191.000.000	188.000.000	-
Vay Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	(**)	15.000.000	15.000.000	-	-
Vay Ông Nguyễn Chí Thanh	(***)	25.000.000	25.000.000	-	-
		231.000.000	231.000.000	188.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	01/01/2015	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn các cá nhân	188.000.000	331.000.000	(288.000.000)	231.000.000
	188.000.000	331.000.000	(288.000.000)	231.000.000

(*) Đây là khoản vay tín chấp Bà Quách Thị Huệ Trinh có thời hạn 1 tháng, lãi suất 0%/tháng, mục đích hỗ trợ phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2015 là 191.000.000 VND.

(**) Đây là khoản vay tín chấp Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc có thời hạn 3 tháng, lãi suất 3%/tháng, mục đích hỗ trợ phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2015 là 15.000.000 VND.

(***) Đây là khoản vay tín chấp Ông Nguyễn Chí Thanh có thời hạn 5 tháng, lãi suất 3%/tháng, mục đích hỗ trợ phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2015 là 25.000.000 VND.

5.13 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(764.406.631)	(764.406.631)
	(764.406.631)	(764.406.631)

5.14 Vốn chủ sở hữu**5.14.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2014	3.356.350.000	220.185.748	4.976.997	(3.609.437.572)	(27.924.827)
Lãi trong năm	-	-	-	60.472.110	60.472.110
Tại ngày 31/12/2014	3.356.350.000	220.185.748	4.976.997	(3.548.965.462)	32.547.283
Phân loại lại số dư đầu năm (*)	-	4.976.997	(4.976.997)	-	-
Tại ngày 01/01/2015	3.356.350.000	225.162.745	-	(**)(3.548.965.462)	32.547.283
Lãi trong năm	-	-	-	(51.512.654)	(51.512.654)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2015	3.356.350.000	225.162.745	-	(3.600.478.116)	(18.965.371)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

(*) Phân loại lại số dư đầu năm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

(**) Trong đó hồi tố số dư đầu năm là 3.006.082.139, cụ thể như sau

	Chi phí hoa hồng phát sinh	LNST trên KQHĐKD của báo cáo kiểm toán đã phát hành	LNCPP trên BCĐKT của báo cáo kiểm toán đã phát hành	LNST trên KQHĐKD của báo cáo sau điều chỉnh chi phí hoa hồng phát sinh	LNCPP của báo cáo sau điều chỉnh chi phí hoa hồng phát sinh
Các năm trước năm 2012	1.321.459.319	-	(1.368.434.879)	-	(2.689.894.198)
năm 2012	814.031.080	59.370.802	(843.708.872)	(754.660.278)	(2.979.199.271)
năm 2013	750.469.740	138.831.441	(723.477.433)	(611.638.299)	(3.609.437.572)
năm 2014	120.122.000	180.594.110	(542.883.323)	60.472.110	(3.548.965.462)
	3.006.082.139				

5.14.2 Chi tiết vốn góp của các cổ đông

	31/12/2015		01/01/2015	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của nhà nước	2.279.150.000	68	2.279.150.000	68
Vốn góp của các đối tượng khác	1.077.200.000	32	1.077.200.000	32
	3.356.350.000	100	3.356.350.000	100

5.14.3 Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	33.564	33.564
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	33.564	33.564
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	33.564	33.564
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	33.564	33.564
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	33.564	33.564

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 100.000 VND.

5.15 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**Nợ khó đòi đã xử lý**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số tiền nợ khó đòi đã xử lý là 1.823.153.239 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	2015 VND	2014 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.816.691.243	3.142.509.241
	2.816.691.243	3.142.509.241

6.2 Giá vốn hàng bán

	2015 VND	2014 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.224.834.221	1.606.971.034
	1.224.834.221	1.606.971.034

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2015 VND	2014 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	195.948	349.710
	195.948	349.710

6.4 Chi phí tài chính

	2015 VND	2014 VND
Chi phí lãi vay	17.070.000	-
	17.070.000	-

6.5 Chi phí bán hàng

	2015 VND	2014 VND
Chi phí hoa hồng môi giới	154.214.720	120.122.000
	154.214.720	120.122.000

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2015 VND	2014 VND
Chi phí lương nhân viên quản lý	766.462.878	728.822.972
Chi phí đồ dùng văn phòng	131.429.901	4.048.813
Chi phí thuế, phí và lệ phí	44.080.651	34.439.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	176.496.994	154.702.254
Chi phí bằng tiền khác	270.261.441	356.802.311
	1.388.731.865	1.278.815.850

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

6.7 Chi phí khác

	2015 VND	2014 VND
Chi phí khác (*)	54.131.335	34.519.429
	54.131.335	34.519.429

(*) Trong đó tiền chậm nộp là 24.164.135 VND và khoản điều chỉnh giảm doanh thu là 28.702.000 VND.

6.8 Lãi trên cổ phiếu

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(51.512.654)	60.472.110
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(51.512.654)	60.472.110
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	33.564	33.564
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(1.535)	1.802

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	2015 VND
Chi phí đồ dùng văn phòng	131.429.901
Chi phí nhân công	1.452.914.363
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.829.545
Chi phí dịch vụ mua ngoài	260.781.553
Chi phí bằng tiền khác	909.825.444
	2.767.780.806

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	2015 VND	2014 VND
Tiền lương và thưởng	429.398.986	347.154.100
	429.398.986	347.154.100

Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Đối tượng	Nội dung	2015 VND	2014 VND
Bà Quách Thị Huệ Trinh	Vay tiền	206.000.000	-

Số dư các khoản phải thu, phải trả với các thành viên quản lý chủ chốt**Số dư các khoản phải trả**

Đối tượng	Nội dung	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Bà Quách Thị Huệ Trinh	Phải trả tiền vay	191.000.000	-

7.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Trong năm 2015, Công ty không có giao dịch với các bên liên quan khác.

Số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên có liên quan

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

7.3 Số liệu so sánh**7.3.1 Áp dụng chế độ kế toán mới**

Như đã trình bày tại thuyết minh số 3.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

7.3.2 Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới, thay đổi trong chính sách kế toán đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính như sau:

Nguyên nhân chênh lệch của các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh do Công ty trình bày lại các khoản mục nêu trên theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh VND	Các điều chỉnh VND	Số liệu sau điều chỉnh VND	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán					
Các khoản phải thu khác	136	231.290.601	610.995.446	842.286.047	(i)
Tài sản ngắn hạn khác	155	3.617.077.585	(3.617.077.585)	-	(i),(ii)
Quỹ đầu tư phát triển	418	220.185.748	4.976.997	225.162.745	(i)
Quỹ dự phòng tài chính		4.976.997	(4.976.997)	-	(i)
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	-	188.000.000	188.000.000	(i)
Phải trả ngắn hạn khác	319	1.248.521.300	(188.000.000)	1.060.521.300	(i)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG AN GIANG

Địa chỉ: Số 185 Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
		VND	VND	VND	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(542.883.323)	(3.006.082.139)	(3.548.965.462)	(ii)

Kết quả hoạt động kinh doanh


Chi phí bán hàng	25	-	120.122.000	120.122.000	(ii)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	180.594.110	(120.122.000)	60.472.110	(ii)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.381	3.579	1.802	(ii)

(i) Điều chỉnh cho đúng tính chất tài khoản.

(ii) Điều chỉnh hồi tố năm 2014

7.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



TRẦN HIẾU THIỆN
Kế toán trưởng/ Người lập biểu





QUÁCH THỊ HUỆ TRINH
Giám đốc
An Giang, ngày 20 tháng 06 năm 2016

